TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 380/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 10-10-2018.
V/v: Tranh chấp HNGĐ xin ly hôn
Và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử (HĐXX) sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Thành Dũng

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hữu Đức – Kiểm sát viên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Trường-Thư ký Tòa án.

Ngày 10 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 229 /2018/TLST- HNGĐ ngày 17-7-2018, về: "*Tranh chấp hôn nhân- gia đình, xin ly hôn và nuôi con"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **:** Lê Thanh Ph, sinh năm 1981. Cư trú ấp Phú C A, xã Phú Th, Phú T, An Giang.

- Bị đơn: Huỳnh Thị Cẩm H, sinh năm 1987. Cư trú ấp Phú Đ B, xã Phú Th, Phú T, An Giang.

- Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn (bút lục số 12); bảng tự khai (bút lục số 29); thì anh Lê Thanh Ph trình bày:

- Anh và chị H thành vợ, chồng vào năm 2010, có đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 139/2012 ngày 03-11-2012 (bút lục 07), do Ủy ban nhân dân xã Phú Thạnh (UBND) cấp. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cải và chính thức ly thân từ năm 2014 đến nay.

- Con chung có 01 cháu tên Lê Huỳnh Tr, sinh ngày 12-01-2011 (bút lục số 06), đang sống với chị H.

- Về tài sản và nợ phải thu, phải trả: Không có.

Anh Ph yêu cầu:

- Về hôn nhân : Xin ly hôn với chị H.

- Về con chung : Đồng ý cho chị H được tiếp tục nuôi con, anh không có khả năng cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản; về nợ phải thu; về nợ phải trả: Không có, vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

{1} Về hình thức, thủ tục tố tụng :

[1.1] Chị H đã được triệu tập để tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần, nhưng đều vắng mặt, vì vậy đã lập các biên bản không tiến hành được phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (theo bút lục các số: 22, 23, 24, 32, 33, 34, 35).

{1.2} Chị H đã được triệu tập xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt (bút lục các số 37, 39, 40, 41, 41a), vì vậy HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H.

{1.3} Anh Ph có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt (bút lục 11), vì vậy HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Ph.

{ 2} Về nội dung :

{ 2.1} Quan hệ hôn nhân giữa anh Lê Thanh Ph với chị Huỳnh Thị Cẩm Hư thành vợ, chồng vào năm 2010, có đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 139/2012, ngày 03 tháng 11 năm 2012 của UBND xã Phú Thạnh (bút lục 07) thì anh Pho với chị H được chứng nhận kết hôn vào ngày 03 tháng 11 năm 2012. Như vậy hôn nhân của anh, chị hợp pháp, được pháp luật bảo vệ và giải quyết khi có mâu thuẩn xãy ra, tại bản tự khai ngày 02-8-2018 (bút lục số 29) thì anh Ph khai quá trình chung sống có hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẩn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cải và chính thức ly thân từ năm 2014 đến nay. Riêng chị H đã được triệu tập hoà giải lần thứ 2 vẫn vắng mặt, nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 10 tháng 8 năm 2018 (bút lục số 28) thì ông Huỳnh Văn T (cha ruột của chị H) khai ông có tổ chức lễ cưới cho H và Phovà có đăng ký kết hôn, sau khi chung sống được 01 năm thì phát sinh mâu thuẩn, H về gia đình ông chung sống đến năm 2014 anh Ph và chị H ký tờ tự thuận tình ly hôn (bút lục số 26) và chị H đi làm công nhân tại tỉnh Bình Dương đến nay, thỉnh thoảng ngày lễ, ngày tết H về nhà ông vui chơi rồi tiếp tục đi. Con chung của anh Ph và chị H có 01 đứa Lê Huỳnh

Tr, sinh ngày 12-01-2011, đang sống với chị H, ông biết vợ chồng anh Ph và chị H không có tài sản, không có nợ phải thu và nợ phải trả. Theo ông thì anh Ph và chị không còn hạnh phúc và trước đó cả hai cùng ký tờ tự thuận tình ly hôn, đồng thời hiện nay ý của H cho ông biết là đồng ý ly hôn không mong muốn chung sống lại, vì vậy ý kiến của ông nên cho ly hôn; về con chung H yêu cầu được tiếp tục nuôi không yêu cầu anh Ph phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả không có nên H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ những tình tiết trên đây, cho thấy thời gian chung sống của 2 người ngắn, thời gian ly thân đến nay đã 04 năm, qua lời khai của anh Ph và ông T trên đây thì tình cảm của cả hai không còn, chung sống lại cũng không hạnh phúc và cùng nguyện vọng được ly hôn, nếu hòa giải được thì đây là trường hợp có thể thuận tình ly hôn, vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Ph theo quy định tại khoản 1, Điều 51 Luật hôn nhân- gia đình.

{2.2} Về quan hệ con chung: Có 01 con tên Lê Huỳnh Tr, sinh ngày 12-01-2011, đang sống với chị Hườ. Anh Pho đồng ý cho chị Hư được tiếp tục nuôi và theo biên bản lấy lời khai ngày 10-8-2018 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân (bút lục số 27) thì nguyện vọng cháu Tr được tiếp tục sống với chị H, vì vậy tiếp tục giao cháu Tr cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2, Điều 81 Luật hôn nhân- gia đình. Đáng lẽ anh Ph phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, nhưng phía chị H không yêu cầu, vì vậy HĐXX không xem xét. Tuy nhiên nếu sau nầy chị gặp khó khăn trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc con thì có quyền khởi kiện yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con.

{2.3}Về quan hệ tài sản; quan hệ nợ phải thu : Không có, vì vậy HĐXX không xem xét.

{2.4}Về nợ phải trả: không có, vì vậy HĐXX ghi nhận, nhưng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì anh Ph và chị H phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

{2.5} Về án phí DSST: anh Ph phải chịu án phí về việc xin ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

{3} Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân về việc Thẩm phán, HĐXX, Thư ký và các đương sự chấp hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Riêng chị H được triệu tập hợp lệ 02 lần để tiến hành phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và xét xử nhưng không đến đều đó cho thấy ý thức chấp hành pháp luật chưa thật sự nghiêm. Về nội dung, yêu cầu xin ly hôn của anh Ph là có căn cứ pháp luật đề nghị HĐXX xem xét.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1, Điều 51; Khoản 2, Điều 81; các khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân – gia đình;

- Khoản 4 Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; các khoản 1, 3, Điều 228; các điều 271; 273; 278 và khoản 1, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự ;

Tuyên xử:

- Anh Lê Thanh Ph được ly hôn với chị Huỳnh Thị Cẩm H. Giấy chứng nhận kết hôn số số 139/2012, ngày 03 tháng 11 năm 2012 của UBND xã Phú Thạnh, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

- Chị Huỳnh Thị Cẩm H được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đứa con tên Lê Huỳnh Tr, sinh ngày 12-01-2011, nhưng chị H không được ngăn cản mà phải tạo điều kiện thuận lợi khi anh Pho đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Công nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Ph phải cấp dưỡng nuôi con.

Việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên không cố định.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Ph phải chịu án phí về việc xin ly hôn là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng chẵn), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng chẵn), theo biên lai thu số 0016857 ngày 17-7-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Hư và anh Ph có quyền kháng cáo thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thành Dũng